VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, 11/02/2025 13:59:46 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG **VĂN PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 920 /VP-VX	*Hải Phòng, ngày 11 tháng 02 năm 2025*

V/v thực hiện Kế hoạch giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân thành phố về thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2020 - 2024

Kính gửi:
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Xây dựng;
- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;
- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố.

Đoàn Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân thành phố có Kế hoạch số 02/KH-ĐGSCĐ ngày 17/01/2025 về việc giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân thành phố về thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2020 - 2024 (gửi kèm theo),

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

1. Phân công Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Lê Khắc Nam dự cùng làm việc với Đoàn Giám sát trực tiếp tại các cơ quan (theo Giấy mời làm việc của Đoàn Giám sát).

2. Giao các Sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Xây dựng; Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan chuẩn bị báo cáo theo đề cương gửi Đoàn Giám sát theo đúng thời hạn yêu cầu, đảm bảo chất lượng, nội dung; cung cấp hồ sơ, tài liệu và giải trình đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Đoàn Giám sát.

3. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố: Lê Chân, Vĩnh Bảo, Hải An, Thủy Nguyên chỉ đạo các trường học thuộc phạm vi quản lý thực hiện theo kế hoạch của Đoàn Giám sát.

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo để các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực HĐND TP;
- CT, PCT Lê Khắc Nam;
- Ban VHXH HĐND TP;
- CPVP;
- Phòng: VX, TH, NCKTGS;
- Lưu: VT, GD.

CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Trần Huy Kiên

SAO Y; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố; 20/01/2025; 14:39:52 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
ĐOÀN GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ

Số: 02 /KH-ĐGSCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 17 tháng 01 năm 2025

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 2645
Ngày: 20/01/2025
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT N.V.Tùng		X
PCT TT L.A.Quân		
PCT L.K.Nam	X	
PCT N.Đ.Thọ		
PCT H.M.Cường		
CVP T.H.Kiên		
PCVP T.V.Thiện		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
P. XDGTCT		
P. VX	X	
P. NNTNMT		
P. TCNS		
P. NC&KTGS		
P. TH		
P. KSTTHC		
VP BCSĐ		
BAN TCD		
P. HCTC		
P. QTTV		
CTTĐT		
TTHN & NKTP		

KẾ HOẠCH

Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân thành phố về thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2020 - 2024

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thành lập Đoàn Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 về thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2020 - 2024 (viết tắt là Đoàn Giám sát);

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về danh sách thành viên Đoàn Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân thành phố về thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2020 - 2024.

Đoàn giám sát xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá khách quan, toàn diện tình hình hình triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2020 - 2024; làm rõ những kết quả đạt được, những thuận lợi, khó khăn và hạn chế tồn tại.

- Xác định nguyên nhân của các hạn chế, làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc triển khai các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố.

- Kiến nghị những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác

giáo dục và đào tạo; đề xuất cơ chế, chính sách để phát triển giáo dục và đào tạo thành phố.

2. Yêu cầu

- Bám sát chủ trương của Đảng, các văn bản Luật, quy phạm pháp luật.

- Tổ chức và hoạt động Đoàn giám sát tuân thủ theo quy định của pháp luật về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân; chủ động tổ chức hoạt động giám sát, bảo đảm nội dung chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ và phù hợp với tình hình thực tế; phân công, phối hợp triển khai khoa học, tránh chồng chéo và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát.

- Các đơn vị chịu sự giám sát nghiêm túc chuẩn bị báo cáo, cung cấp hồ sơ tài liệu theo yêu cầu của Đoàn giám sát đúng tiến độ thời gian kế hoạch.

- Phát huy vai trò của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, các sở, ngành, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Phân công, phối hợp, thực hiện triển khai khoa học, chặt chẽ, tránh chồng chéo.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG , ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC GIÁM SÁT

1. Phạm vi giám sát

Giám sát việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2024.

2. Nội dung giám sát

Tập trung vào những vấn đề trọng tâm sau:

- Việc thực hiện quy hoạch, phát triển quy mô, hệ thống mạng lưới trường, lớp, học sinh; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; cơ sở vật chất, trang thiết bị;

- Về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố;

- Việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa; mua sắm thiết bị dạy học phục vụ hoạt động đổi mới giáo dục, Chương trình giáo dục phổ thông mới;

- Thực hiện quy định, chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

- Công tác tuyển sinh đầu cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; kết quả phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông; Việc thực hiện các quy định, chỉ đạo về hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố;

- Chất lượng giáo dục các cấp học; việc xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù có tính đột phá, phát triển giáo dục và đào tạo mũi nhọn.

- Việc xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục;

- Về phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

- Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố liên quan lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3. Đối tượng và hình thức giám sát

3.1. Giám sát trực tiếp

- Các sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện: Lê Chân, Vĩnh Bảo, Hải An và thành phố Thủy Nguyên.

- Một số cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố:

+ Khối trường cao đẳng, đại học: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng.

+ Khối trường trung học phổ thông, phổ thông nhiều cấp: Trường trung học phổ thông: Chuyên Trần Phú, An Dương, Hồng Bàng, Thăng Long, 25-10; Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Dewey.

+ Khối trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc các quận, huyện: Lê Chân (Mẫu giáo Kim Đồng 1, Tiểu học Nguyễn Văn Tố), Vĩnh Bảo (Mầm non Cổ Am, THCS Tam Hưng), Hải An (Tiểu học Đông Hải, THCS Lê Lợi) và thành phố Thủy Nguyên (Mầm non Hoa Trạng Nguyên).

3.2. Giám sát qua báo cáo

- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện còn lại.

* Trong quá trình giám sát, theo yêu cầu nhiệm vụ Đoàn Giám sát có thể giám sát, khảo sát thực tế đối với một số đơn vị, địa phương và cơ sở giáo dục.

III. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI

1. Đoàn giám sát thành lập Tổ tham mưu, giúp việc, xây dựng Đề cương báo cáo gửi các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát; phân công nhiệm vụ thành viên Đoàn giám sát: trước ngày **15/01/2025**.

2. Các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát gửi báo cáo đến Đoàn giám sát: trước ngày **25/02/2025**.

3. Đoàn Giám sát thực hiện giám sát trực tiếp: từ ngày **01/3/2025** đến ngày **15/5/2025**.

4. Các cơ quan chịu sự giám sát báo cáo bổ sung; tổng hợp, xây dựng và hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát (báo cáo bằng văn bản và phóng sự truyền hình); tổ chức các cuộc họp Đoàn Giám sát: từ ngày **15/5/2025** đến ngày **30/5/2025.**

5. Đoàn Giám sát báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố (bao gồm bằng văn bản và phóng sự truyền hình): từ ngày **30/5/2025** đến ngày **15/6/2025.**

6. Đoàn Giám sát báo cáo kết quả giám sát với Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2025.

7. Hội đồng nhân dân thành phố xem xét việc ban hành Nghị quyết về kết quả giám sát tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2025.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố

- Chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan chuẩn bị báo cáo theo đề cương gửi Đoàn giám sát theo đúng thời hạn yêu cầu, đảm bảo chất lượng, nội dung; cung cấp hồ sơ, tài liệu và giải trình đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

- Phân công đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố dự cùng làm việc với Đoàn giám sát trực tiếp tại các cơ quan *(theo giấy mời làm việc của Đoàn giám sát).*

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các cơ quan được mời tham gia Đoàn giám sát

- Phân công đại diện lãnh đạo cơ quan tham dự làm việc cùng Đoàn giám sát tại các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát trực tiếp (*theo giấy mời làm việc của Đoàn giám sát).*

- Nghiên cứu các báo cáo, tài liệu do các đơn vị chịu sự giám sát cung cấp để tham gia ý kiến hoặc theo đề nghị của Đoàn giám sát.

3. Các cơ quan, đơn vị là đối tượng chịu sự giám sát

- Chuẩn bị và gửi Báo cáo theo đề cương về Đoàn giám sát đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định; bố trí lãnh đạo, thành phần làm việc với Đoàn (*theo giấy mời làm việc của Đoàn giám sát).*

- Cung cấp tài liệu, số liệu đầy đủ, trung thực, khách quan và kịp thời.

- Phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố chuẩn bị điều kiện phục vụ Đoàn giám sát khi Đoàn đến làm việc trực tiếp.

4. Ban Văn hóa - Xã hội HĐND thành phố

- Giúp Đoàn giám sát: triển khai các nội dung giám sát theo kế hoạch, xây dựng lịch giám sát, đề cương báo cáo gửi các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát.

- Phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố, Tổ Tham mưu, giúp việc chuẩn bị tài liệu, nội dung giám sát của Đoàn giám sát; hoàn thiện dự thảo Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn trình Thường trực HĐND thành phố.

- Chuẩn bị Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát thông qua phóng sự truyền hình, báo cáo Thường trực HĐND thành phố.

- Chuẩn bị hồ sơ dự thảo Nghị quyết về kết quả giám sát chuyên đề của HĐND thành phố (*theo chỉ đạo của Thường trực HĐND thành phố*).

5. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố

- Chỉ đạo các hoạt động của Tổ tham mưu giúp việc cho Đoàn giám sát.

- Xây dựng Quyết định, Kế hoạch, Đề cương báo cáo tổng hợp chung kết quả giám sát của Đoàn giám sát chuyên đề;

- Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện để tổ chức các hoạt động Đoàn giám sát; thu thập văn bản pháp lý, tư liệu, thông tin liên quan chuyên đề giám sát; chuẩn bị tài liệu phục vụ thành viên Đoàn giám sát.

- Căn cứ Kế hoạch giám sát, đề xuất xây dựng lịch giám sát cụ thể. Là đầu mối liên hệ với các cơ quan, địa phương nơi Đoàn giám sát đến giám sát, khảo sát trực tiếp để chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc của Đoàn; đôn đốc các cơ quan, địa phương gửi báo cáo giám sát đúng thời hạn, bảo đảm chất lượng nội dung báo cáo.

- Tiếp nhận và tổng hợp báo cáo của các đơn vị gửi về Đoàn Giám sát; dự thảo Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn; gửi xin ý kiến các thành viên Đoàn giám sát.

- Phối hợp với Ban Văn hóa - Xã hội chuẩn bị Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát thông qua phóng sự truyền hình, báo cáo Thường trực HĐND thành phố.

Trên đây là Kế hoạch giám sát chuyên đề của HĐND thành phố về việc "Thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2020 - 2024". Đề nghị các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND TP;
- UBND TP;
- Ủy ban MTTQ TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các Ban HĐND TP;
- Thành viên ĐGSCĐ;
- Cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng giám sát;
- Các VP: Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- Các phòng thuộc VP ĐĐQH và HĐNDTP;
- Lưu: VT, PTu....(bản).

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND THÀNH PHỐ
Bùi Đức Quang

TÊN ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIÁM SÁT

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2020 - 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 02 /KH-ĐGS ngày 17 /01/2025 của Đoàn Giám sát HĐND thành phố)

(Đối với UBND cấp huyện)

I. Khái quát chung

- Đặc điểm, tình hình của thành phố Thủy Nguyên, quận, huyện, những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo).

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1. Việc trình HĐND quyết định, kế hoạch, chương trình, dự án chính sách phát triển giáo dục và đào tạo, phân luồng, hướng nghiệp học sinh; việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cụ thể hoá các văn bản của Trung ương, thành phố, quận, huyện; các Nghị quyết của HĐND về việc thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo.

2. Việc xây dựng, hoàn thiện, ban hành kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo. Kết quả sơ bộ việc thực hiện các văn bản nêu trên.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn trong triển khai và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo.

4. Việc phân cấp trong quản lý, điều hành thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố .

III. Kết quả thực hiện

1. Về tổ chức bộ máy, quy mô mạng lưới trường lớp; cơ sở vật chất, trang thiết bị của các cơ sở giáo dục và đào tạo

1.1. Việc xây dựng biên chế công chức của cơ quan quản lý giáo dục và số lượng người làm việc của các cơ sở giáo dục công lập

- Việc bảo đảm đủ biên chế công chức quản lý giáo dục, số lượng người làm việc theo đề án đã được phê duyệt; tổng số biên chế ngành giáo dục hiện nay: Công chức, viên chức quản lý; viên chức chuyên môn; hành chính; hợp đồng. So với chỉ tiêu giao: thừa? thiếu? nguyên nhân.

- Việc lập kế hoạch biên chế công chức, viên chức hàng năm, điều chỉnh biên chế ngành giáo dục.

- Việc thực hiện quy định về phân cấp quản lý, tuyển dụng, sử dụng viên chức sự nghiệp giáo dục; số lượng biên chế được giao hàng năm? Tổng số biên chế được tuyển dụng giai đoạn 2020 - 2024 (theo từng năm, từng bậc học và so sánh với chỉ tiêu được giao).

- Chất lượng đội ngũ giáo viên: Số giáo viên đạt chuẩn; Số giáo viên đạt chuẩn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới; số giáo viên còn thiếu; giải pháp khắc phục.

- Việc sắp xếp số lượng cấp phó của các trường học sau khi sáp nhập.

- Thực trạng việc mất cân đối cơ cấu giáo viên giữa các vùng miền, trong các bậc học hiện nay trên địa bàn thành phố.

- Việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp; thực hiện tinh giảm biên chế của các cơ sở giáo dục.

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng, phân bổ biên chế ngành giáo dục.

- Thực hiện chế độ, chính sách về tiền lương, tiền dạy thêm giờ, phụ cấp, trợ cấp đối với giáo viên và nhân viên; nhất là giáo viên, nhân viên làm nhiệm vụ kiêm nhiệm.

1.2. Quy mô mạng lưới trường lớp và việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập

- Sắp xếp, tổ chức lại các sơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý phù hợp với thực tiễn địa phương; tổng số các trường; tổng số trường được chia tách, sáp nhập, thành lập mới, giải thể giai đoạn 2020 - 2024 (cả công lập và ngoài công lập).

- Tên các trường và lý do khi được chia tách, sáp nhập, thành lập mới, giải thể (cả công lập và ngoài công lập).

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc khi thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố.

1.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các trường hiện nay: Đánh giá theo từng cấp học (mầm non; tiểu học; trung học THCS; THPT).

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ cho việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa và mua sắm thiết bị dạy học phục vụ đổi mới giáo dục.

- Việc bố trí quỹ đất dành cho các cơ sở giáo dục theo quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục tại địa phương;

- Chính sách đầu tư thực hiện các chương trình, dự án trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

- Đánh giá hiệu quả sử dụng của các công trình, thiết bị.

1.4. Việc thực hiện xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

- Việc chỉ đạo triển khai đổi mới đánh giá; kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia.

- Số trường đạt chuẩn quốc gia từ năm 2020 - 2024 (theo từng năm; bậc học); so với chỉ tiêu đề ra.

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng trường chuẩn quốc gia.

2. Về quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo; quản lý việc dạy thêm, học thêm

2.1. Về quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo

- Các biện pháp chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của thành phố.

- Đánh giá chất lượng giáo dục và đào tạo của các cấp học, bậc học (cả công lập và ngoài công lập).

- Công tác tuyển sinh vào các lớp đầu cấp, cụ thể tỷ lệ đến trường (tăng, giảm qua các năm). Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến lớp (trong đó nhà trẻ, mẫu giáo); tỷ lệ huy động trẻ vào lớp 1, lớp 6, lớp 10 (các cơ sở giáo dục và đào tạo, các Trung tâm GDTX-DN).

- Công tác phổ cập giáo dục, xây dựng xã hội học tập và các hoạt động giáo dục khác trên địa bàn...

- Kết quả thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

2.2. Về quản lý việc dạy thêm, học thêm

- Thực trạng dạy thêm, học thêm thời gian qua.

- Các biện pháp chỉ đạo chấn chỉnh tình trạng việc dạy thêm, học thêm

3. Về phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

3.1. Về phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

- Tổng ngân sách nhà nước được cấp, tỷ lệ ngân sách chi cho giáo dục giai đoạn 2020 - 2024 (cụ thể theo từng năm).

- Kết quả chi (chi thường xuyên, chi đầu tư và các khoản chi khác); so với chỉ tiêu được giao.

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

3.2. Việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để phát triển giáo dục ở địa phương

- Về bố trí, quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học:

+ Phân bổ, quản lý sử dụng kinh phí chi thường xuyên hằng năm; lồng ghép kinh phí các chương trình mục tiêu, dự án, ngân sách và xã hội hóa trong đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học.

+ Số phòng học được xây mới; số kinh phí hỗ trợ. Trong đó: Nguồn ngân sách thành phố; nguồn vốn Chương trình mục tiêu, nguồn khác.

- Các chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục

4. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đào tạo nghề

4. 1. Việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ chế tự chủ tại các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý

- Việc xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tại địa phương; bảo đảm các điều kiện về ngân sách, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức; cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề thuộc phạm vi quản lý; tổng số trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề trên địa bàn (trong đó phân tích làm rõ số trường Trung ương đóng trên địa bàn; số trường thuộc phạm vi quản lý).

- Quản lý, kiểm tra việc thực hiện chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo và chức danh lãnh đạo, quản lý giáo dục nghề nghiệp; hướng dẫn, chỉ đạo việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ nhà giáo và quản lý giáo dục nghề nghiệp. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, hợp đồng lao động tại các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở GDNN xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, tổ chức và nhân sự. Đánh giá cụ thể mức độ tự chủ của các cơ sở GDNN, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, định hướng trong thời gian tới..

- Các chính sách hỗ trợ đạo tạo nghề và chủ trương xã hội hóa GDNN trên địa bàn.

4.2. Tình hình, kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề:

+ Chỉ đạo triển khai hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ sở GDNN trên địa bàn; thực trạng công tác liên kết hoạt động đào tạo nghề với doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất trong và ngoài nước; những ngành nghề được đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; hiệu quả, khó khăn trong công tác liên kết.

+ Công tác tuyển sinh: Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm; kết quả tuyển sinh (phân tích trình độ: cao đẳng nghề; trung cấp nghề; sơ cấp nghề và đào tạo nghề dưới 03 tháng).

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp so với kết quả tuyển sinh hàng năm.

+ Kết quả đào tạo hàng năm: Cao đẳng nghề; trung cấp nghề; sơ cấp nghề và đào tạo nghề dưới 03 tháng (nêu rõ số liệu và ngành nghề chủ yếu).

4.3. Việc thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị

- Việc ban hành văn bản quản lý.

- Kết quả thực hiện.

- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

5. Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND về giáo dục và đào tạo

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các Nghị quyết.

- Công tác tuyên truyền, tổ chức học tập, quán triệt các Nghị quyết.

- Việc bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết (Báo cáo cụ thể việc bố trí kinh phí thực hiện các chính sách trong từng Nghị quyết; những khó khăn, vướng mắc).

- Mối quan hệ phối kết hợp giữa các ngành, các cấp trong chỉ đạo, triển khai thực hiện các Nghị quyết.

Đề nghị nêu rõ và đánh giá những nội dung đã triển khai thực hiện (kết quả thực hiện và số liệu minh chứng), nội dung đang triển khai, nội dung chưa thực hiện; khó khăn, vướng mắc (nếu có), nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan;

- Nguyên nhân chủ quan.

4. Bài học kinh nghiệm, giải pháp nhằm thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo của địa phương cho giai đoạn tiếp theo.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương.

2. Đối với thành phố.

3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo.

* *Ghi chú: Trên đây là những nội dung gợi ý chung, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của UBND từng cấp để xây dựng báo cáo phù hợp, yêu cầu bổ sung các phụ lục số liệu kèm theo báo cáo.*

TÊN ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIÁM SÁT

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2020 - 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 02 /KH-ĐGS ngày 17 /01/2025 của Đoàn Giám sát HĐND thành phố)

(Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư)

I. Khái quát chung

Thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc bố trí, cân đối nguồn vốn đầu tư công đã triển khai, thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2020 - 2024 theo phân cấp quản lý.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện

- Việc tham mưu cho UBND thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo, giai đoạn 2020 - 2024 theo chức năng, nhiệm vụ của Sở.

- Việc chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương để bố trí và cân đối các nguồn lực cho giáo dục và đào tạo, giai đoạn 2020 - 2024.

2. Kết quả thực hiện việc bố trí, cân đối nguồn lực cho giáo dục và đào tạo

- Tổng kinh phí bố trí cho giáo dục và đào tạo, trong đó nêu rõ:

+ Số kinh phí được bố trí theo kế hoạch (phân tích làm rõ cơ cấu chi cho hoạt động giáo dục và đào tạo theo từng lĩnh vực cụ thể); số đã phân bổ, chưa phân bổ;

+ Đánh giá việc huy động và bố trí nguồn lực cho giáo dục và đào tạo;

- Việc bố trí kinh phí để triển khai các chương trình, dự án về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố, cụ thể:

+ Danh mục các chương trình, dự án được bố trí vốn để triển khai thực hiện;

+ Tổng số kinh phí được bố trí, số kinh phí đã phân bổ, số chưa phân bổ.

3. Huy động nguồn lực xã hội

- Thống kê các chương trình, dự án có sự tham gia của khu vực tư nhân hoặc cộng đồng.

- Đánh giá các giải pháp huy động và sử dụng nguồn lực xã hội hóa trong giáo dục.

4. Đánh giá kết quả công tác phối hợp thực hiện chính sách pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan;

- Nguyên nhân chủ quan.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương.

2. Đối với thành phố.

** Ghi chú: Trên đây là những nội dung gợi ý chung, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của Sở để xây dựng báo cáo, bổ sung các phụ lục kèm theo báo cáo cho phù hợp.*

TÊN ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIÁM SÁT

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2020 - 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 02 /KH-ĐGS ngày 17 /01/2025 của Đoàn Giám sát HĐND thành phố)

(Đối với Sở Tài chính)

I. Khái quát chung

Thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc bố trí, cân đối nguồn kinh phí sự nghiệp, triển khai Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của HĐND thành phố; nguồn tăng thu tiết kiệm chi và các nguồn khác để triển khai, thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện

- Tham mưu cho UBND thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ của Sở.

- Việc chủ trì, phối hợp để triển khai, thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố theo phân cấp quản lý.

2. Kết quả thực hiện việc bảo đảm nguồn ngân sách cấp cho giáo dục và đào tạo; bố trí kinh phí triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo

- Tổng kinh phí đầu tư cho giáo dục và đào tạo, trong đó nêu rõ:

+ Số kinh phí được đầu tư theo kế hoạch; số kinh phí đã được bố trí, số đã thực hiện giải ngân, số chưa thực hiện.

+ Đánh giá tỷ lệ chi cho giáo dục và đào tạo/tổng chi ngân sách của thành phố.

- Việc bố trí kinh phí để triển khai các chương trình, dự án về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố, cụ thể:

+ Danh mục các chương trình, dự án được triển khai thực hiện.

+ Tổng số kinh phí được bố trí, số kinh phí đã thực hiện, số kinh phí còn lại.

- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, giám sát sử dụng tài sản công trong lĩnh vực giáo dục.

- Đánh giá việc bố trí, cân đối ngân sách và phối hợp thực hiện cơ chế tài chính để hỗ trợ huy động nguồn lực xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục.

3. Đánh giá kết quả công tác phối hợp thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan;

- Nguyên nhân chủ quan.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương.

2. Đối với thành phố.

* *Ghi chú: Trên đây là những nội dung gợi ý chung, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của Sở để xây dựng báo cáo, bổ sung các phụ lục kèm theo báo cáo cho phù hợp.*

TÊN ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIÁM SÁT

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2020 - 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 02 /KH-ĐGS ngày 17 /01/2025 của Đoàn Giám sát HĐND thành phố)

(Đối với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội)

I. Khái quát chung

- Nêu khái quát về đặc điểm tình hình của Sở.

- Nêu thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến công tác Tham mưu, triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ được giao của Sở.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện

- Tham mưu cho UBND thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ của Sở.

- Việc chủ trì, phối hợp để triển khai thực hiện nhiệm vụ thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý của Sở.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến và phối hợp, hướng dẫn các địa phương, các ngành, đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân để tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về đào tạo nghề.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

- Việc triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp ở địa phương sau khi được phê duyệt;

- Công tác sắp xếp, tổ chức hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp: nêu rõ những thuận lợi, khó khăn, kết quả đạt được; định hướng trong thời gian tới…

- Công tác hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với cơ giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý;

- Việc hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ quản lý và nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Việc rà soát, xây dựng, quản lý danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo khác; tổ chức thực hiện quy định về đào tạo trình

độ trung cấp, sơ cấp, đào tạo thường xuyên, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nghề trong doanh nghiệp;

- Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động nông thôn, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nữ và các đối tượng chính sách khác.

- Vai trò của Sở trong việc đánh giá hiệu quả liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu thị trường lao động tại địa phương.

- Đánh giá chất lượng đầu ra của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (tỷ lệ có việc làm sau đào tạo, mức độ đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp).

- Việc thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trong lĩnh vực đào tạo nghề.

- Đánh giá kết quả công tác phối hợp thực hiện các chính sách, pháp luật về đào tạo nghề.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan;

- Nguyên nhân chủ quan.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương.

2. Đối với thành phố.

* *Ghi chú: Trên đây là những nội dung gợi ý chung, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của Sở để xây dựng báo cáo, bổ sung các phụ lục kèm theo báo cáo cho phù hợp.*

TÊN ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIÁM SÁT

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2020 - 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 02 /KH-ĐGSCĐ ngày 17 /01/2025 của Đoàn Giám sát HĐND thành phố)

(Đối với Sở Nội vụ)

I. Khái quát chung

- Nêu khái quát về đặc điểm tình hình của Sở.

- Nêu thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến công tác Tham mưu, triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ được giao của Sở.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện

- Công tác tham mưu cho UBND thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy; biên chế; công chức, viên chức thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Công tác phối hợp với các sở, ngành, địa phương để triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy; biên chế; công chức, viên chức thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy; biên chế; công chức, viên chức thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo

2.1. Về tổ chức bộ máy

- Việc thành lập, giải thể, sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Việc hướng dẫn xây dựng Đề án vị trí việc làm

- Việc thực hiện cơ chế tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đánh giá tình hình trong việc tổ chức, sắp xếp lại bộ máy giáo dục và đào tạo theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

2.2. Về biên chế, công chức, viên chức

- Công tác tác tuyển dụng

+ Công tác hướng dẫn tuyển dụng biên chế, trong đó số lượng chia theo năm, đối tượng tuyển dụng (giáo viên cấp mầm non đến đại học, giáo dục chuyên biệt), hình thức tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển, đặc biệt là thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao,...)

+ Thực hiện việc phân cấp trong tuyển dụng giáo viên.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế:

+ Số biên chế ngành giáo dục và đào tạo của thành phố hiện nay so với biên chế được giao (phân tích theo từng cấp học và so sánh tăng, giảm so từng năm); số biên chế có mặt/số giao hàng năm; số chỉ tiêu chưa sử dụng; nhu cầu tuyển dụng và số chỉ tiêu chưa tuyển dụng.

+ Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế ngành giáo dục và đào tạo hiện nay.

+ Thực hiện tinh giản biên chế của ngành giáo dục và đào tạo.

- Đánh giá về số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục và đào tạo hiện nay có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhận (nêu rõ về số lượng, chiếm tỷ lệ % so tổng số người); số người có trình độ chuyên môn chưa phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhận.

- Đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giáo dục (số lượng, chất lượng, hiệu quả).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan;

- Nguyên nhân chủ quan.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương.

2. Đối với thành phố.

* *Ghi chú: Trên đây là những nội dung gợi ý chung, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của Sở để xây dựng báo cáo, bổ sung các phụ lục kèm theo báo cáo cho phù hợp.*

TÊN ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIÁM SÁT

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2020 - 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 02 /KH-ĐGSCĐ ngày 17 /01/2025 của Đoàn Giám sát chuyên đề của HĐND thành phố)

(Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Nêu khái quát đặc điểm, tình hình của ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2020-2024.

- Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành đối với giáo dục và đào tạo của trung ương, thành phố

2. Nguồn lực đầu tư và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo

2.1. Về nguồn lực tài chính

- Việc bố trí, phân bổ ngân sách nhà nước cho giáo dục hằng năm và cơ cấu chi đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài nước đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo.

2.2. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

- Thực trạng đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt trong dạy học những môn mới.

2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Công tác kiên cố hóa trường học.

- Thực hiện mua sắm thiết bị dạy học phục vụ đổi mới giáo dục.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo nhằm phát triển bền vững hệ thống giáo dục

3.1. Tăng cường hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông

3.2. Công tác xây dựng, biên soạn, thẩm định, in và phát hành tài liệu giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018

3.3. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong toàn ngành

- Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) qua dịch vụ công trực tuyến và Bộ phận một cửa, một cửa liên thông.

3.4. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

- Tăng cường hội nhập quốc tế; thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nước ngoài cho GDĐT.

- Công tác quản lý hoạt động của các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài và tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.

3.5. Công tác truyền thông giáo dục

3.6. Công tác thanh tra, kiểm tra lĩnh vực giáo dục và đào tạo

4. Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học

- Đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học: về phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học; về hình thức và phương pháp thi, kiểm tra đánh giá, ...

- Kết quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân; giáo dục quốc phòng và an ninh.

5. Công tác hướng nghiệp, phân luồng sau THCS, THPT

6. Một số công tác khác

- An ninh, an toàn trường học: bảo đảm an toàn trường học; chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; y tế trường học.

- Dạy thêm, học thêm.

- Liên kết trong giáo dục.

- Thu, chi trong các nhà trường.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Hạn chế

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan.

- Nguyên nhân chủ quan.

4. Bài học kinh nghiệm

5. Nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung nhằm thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo của địa phương trong thời gian tới

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương

2. Đối với thành phố

TÊN ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIÁM SÁT

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2020 - 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 02 /KH-ĐGSCĐ ngày 17 /01/2025 của Đoàn Giám sát chuyên đề HĐND thành phố)

(Đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo)

I. Khái quát chung

- Đặc điểm, tình hình chung: Tóm lược lịch sử hình thành và phát triển của nhà trường; Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên và số lượng học sinh hiện tại.

- Tình hình thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục và đào tạo: Công tác triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục; Những kết quả nổi bật đạt được trong giai đoạn 2020-2024.

II. Kết quả thực hiện

1. Quy mô trường, lớp, học sinh từng năm học

- Số lượng lớp học theo từng khối và từng năm học.

- Tổng số học sinh: phân bổ theo khối lớp, giới tính, và các nhóm đặc thù (nếu có, như học sinh khuyết tật, học sinh diện chính sách).

- Tình hình biến động quy mô học sinh qua các năm học (tăng/giảm, lý do).

2. Tổ chức bộ máy, biên chế, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Tổ chức bộ máy nhà trường: các phòng ban, tổ chuyên môn, các vị trí lãnh đạo và nhân viên.

- Cơ cấu tổ chức và biên chế của nhà trường hiện nay; nêu rõ số được giao, số hiện có mặt, số còn thiếu so với quy định và so với kế hoạch giao; công tác bố trí sắp xếp cán bộ quản lý, giáo viên để bảo đảm yêu cầu công tác giáo dục, đào tạo trong thời gian qua.

- Chất lượng đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên:

+ Trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn; đảm bảo về cơ cấu.

+ Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ: Các khóa tập huấn, chương trình nâng cao trình độ; Kết quả đánh giá chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên: Lương, phụ cấp, chế độ khen thưởng và các chính sách hỗ trợ khác.

- Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, thực hiện tinh giản biên chế theo quy định; đánh giá tính phù hợp của bộ máy hoạt động nhà trường.

3. Chính sách hỗ trợ học sinh

- Miễn giảm học phí: Số lượng học sinh được miễn giảm học phí, phân bổ theo đối tượng: học sinh diện chính sách, học sinh thuộc gia đình khó khăn.

- Hỗ trợ học sinh diện chính sách: hỗ trợ cụ thể dành cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, vùng khó khăn, học sinh khuyết tật.

- Cấp học bổng và khen thưởng: Số lượng và giá trị học bổng được cấp qua từng năm học; chính sách khen thưởng khuyến học cho học sinh có thành tích học tập và rèn luyện xuất sắc.

- Các hoạt động khác: Các chương trình hỗ trợ học sinh trong việc học tập và sinh hoạt: trợ cấp sách giáo khoa, dụng cụ học tập, hỗ trợ phương tiện đi lại; Các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cho học sinh.

4. Về nâng cao chất lượng giáo dục

- Chất lượng giáo dục đại trà: tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình học, đánh giá năng lực học sinh.

- Giáo dục mũi nhọn: thành tích trong các kỳ thi học sinh giỏi, thi năng khiếu

- Tình hình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018: nội dung, phương pháp giảng dạy, ...

- Công tác giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân

5. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học

- Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chưa đảm bảo kiên cố (nếu có).

- Tình hình cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ dạy học, phục vụ bán trú (phòng học, phòng chức năng, nhà bếp...).

- Danh mục trang thiết bị, số phòng học, phòng chức năng, các hạng mục công trình được đầu tư trong đó nêu rõ cấp đầu tư: Trung ương, thành phố, quận, huyện, xã, đơn vị đầu tư, xã hội hóa,...

- Hoạt động của thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác.

- Đánh giá chung về tình hình quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị sau đầu tư.

6. Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

- Tổng ngân sách nhà nước được cấp của trường giai đoạn 2020 - 2024 (cụ thể theo từng năm).

+ Ngân sách cấp theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của HĐND thành phố.

+ Các nguồn ngân sách khác.

- Kết quả chi (chi thường xuyên, chi đầu tư và các khoản chi khác); so với chỉ tiêu được giao.

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước của nhà trường.

7. Việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội

- Huy động nguồn lực xã hội hóa để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Quản lý và sử dụng các nguồn lực đã huy động

8. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng

- Tình hình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia;

- Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, kế hoạch hoàn thiện

9. Hội nhập quốc tế, truyền thông giáo dục

- Các chương trình hợp tác quốc tế, giao lưu văn hóa và chia sẻ kinh nghiệm giáo dục. Tích hợp nội dung hội nhập quốc tế vào các môn học.

- Hoạt động truyền thông qua các kênh: website, mạng xã hội, bảng tin nhà trường. Các chương trình truyền thông hướng đến phụ huynh, học sinh và cộng đồng

10. Công tác dạy thêm, học thêm

- Tình hình dạy thêm, học thêm trong nhà trường: tổ chức, quản lý, số lượng học sinh tham gia.

- Công tác quản lý dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường: việc phối hợp với cơ quan quản lý.

- Các biện pháp xử lý vi phạm liên quan đến dạy thêm, học thêm (nếu có).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế (chủ quan và khách quan)

4. Bài học kinh nghiệm

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương.

2. Đối với thành phố.

3. Đối với phụ huynh và cộng đồng.

** Ghi chú: Trên đây là những nội dung gợi ý chung, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của Trường để xây dựng báo cáo, bổ sung các phụ lục kèm theo báo cáo cho phù hợp.*